TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2026
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Phúc
2. Ông Trần Văn Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Bích Trăm – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2026/QĐ-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Trần Thị T, sinh năm 1991
Địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ
Địa chỉ hiện tại: đường số B U G, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

2/- Bị đơn: Trần Văn Đ, sinh năm 1993
Địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ
(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 08/12/2025, bản tự khai ngày 08/12/2025 nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn Đ kết hôn với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 07/5/2021. Quá trình sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất

đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung nên đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm được nữa nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Văn Đ vắng mặt nên không có lới trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn Đ do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Đ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trần Văn Đ có địa chỉ tại xã P, thành phố Cần Thơ nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật. Chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T. Đối với anh Trần Văn Đ, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt anh Đ.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T: Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2021 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07/5/2021. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không thể sống chung nên đã ly thân một thời gian dài. Điều này chứng minh đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình tố tụng, chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh Đ vì không còn tình cảm. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định để thông báo cho anh Đ đến hòa giải hàn gắn gia đình nhưng anh vắng mặt

không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Đ. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ không còn tồn tại nên Hội đồng xét xử xác định Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2021 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07/5/2021 cho chị Trần Thị T và anh Trần Văn Đ không còn giá trị pháp lý.

[3.2] Về con chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Trần Thị T phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2021 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 07/5/2021 cho chị Trần Thị T và anh trần Văn Đ không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0002113 ngày 28/01/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Anh T đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Trần văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Phú Hữu, TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Đua